BẢN SAO

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CÔNG TY THHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ VÀ DU LỊCH HUẾ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

Đã kiểm toán

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Địa chỉ: 45 Lê Lợi, Thành Phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Điện thoại: 054. 3825716

Đà Nẵng, tháng 3 năm 2014

Báo cáo của Ban Giám đốc
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ VÀ DU LỊCH HUẾ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MỤC LỤC

		Trang
1.	**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**	01-02
2.	**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**	03
3.	**CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**	
	- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013	04-07
	- Báo cáo kết quả hoạt hoạt động kinh doanh năm 2013	08
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	09
	- Thuyết minh Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013	10 - 16

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty THHH Nhà Nước Một Thành Viên Đầu Tư và Du Lịch Huế (sau đây được gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

1. Thành lập

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên-Huế cấp với mã số doanh nghiệp 3300260036, đăng ký lần đầu ngày 20/08/2010.

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở công ty đặt tại: 45 Lê Lợi, thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Hoạt động kinh doanh chính

- Bán hàng lưu niệm.
- Vận chuyển khách du lịch, hành khách theo hợp đồng.
- Dịch Vụ du lịch ngắn ngày (khách sạn).
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.
- Dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa.
- Dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm hoạt động Karaoke, vũ trường).

3. Ban giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo

Đinh Mạnh Thắng	Tổng giám Đốc
Lê Thị Thu Nguyệt	Kế toán trưởng

4. Đánh giá hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được tóm tắt như sau:

Đơn vị:đồng

- Doanh thu	**25.090.080.460**
- Lợi nhuận chưa phân phối	**4.958.133.153**

5. Công ty Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K đã được chỉ định kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày các báo cáo tài chính và đảm bảo các báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động

kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Để lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh hợp lý chính xác tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

6. Ý kiến của Ban Giám đốc:

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2014
Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng giám đốc

M.S.D.N: 3300260036 CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN NHÀ NƯỚC 1TV Đ.TƯ VÀ DU LỊCH HUẾ TP.HUẾ-T.THỪA THIÊN HUẾ

Đinh Mạnh Thắng

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY LTD.
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY LTD - BRANCH OFFICE
Địa chỉ: 42 Trần Tống, Thanh Khê, Đà Nẵng * www.kiemtoantltdk.com.vn
Tel: 0511 365 1818 * Fax: 365 1868 * MST: 0104779158-002
Email: kiemtoantdkdanang@gmail.com, kiemtoanthanglongtdk@gmail.com
TS chính: 23 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 046 251 0008 * Fax: 046 251 1327
Email: thanglongtdk@gmail.com * www.kiemtoanthanglongtdk.vn

Số: 716a14/TLTDK-TC

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Nhà Nước MTV Đầu Tư và Du Lịch Huế.
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Kính gởi: **Ban Giám đốc Công ty TNHH Nhà Nước MTV Đầu Tư và Du Lịch Huế.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Nhà Nước MTV Đầu tư và Du Lịch Huế(sau đây gọi tắt là công ty), gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được lập ngày 15 tháng 03 năm 2014, từ trang 4 đến trang 16 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên Đầu Tư và Du Lịch Huế tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Phạm Thị Minh Hà
Giấy Chứng nhận hành nghề Kiểm toán
Số: 2278 – 2013 – 045 – 1
Bộ Tài chính cấp ngày 18/06/2013

Giám đốc

S.Đ.K.H.Đ: 0104779158-002 - C.T.N.H.H - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K - Q. THANH KHÊ TP. ĐÀ NẴNG

Đào Ngọc Hoàng
Giấy Chứng nhận hành nghề Kiểm toán
Số: 0106 – 2013 – 045 - 1
Bộ Tài chính cấp ngày 18/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: Đồng

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**64.489.656.030**	**60.168.052.159**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	(1)	**255.900.822**	**420.204.268**
1.	Tiền	111		255.900.822	420.204.268
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	**Các khoản phải thu**	**130**		**62.246.326.631**	**58.060.999.047**
1.	Phải thu khách hàng	131	(2)	298.928.069	302.820.469
2.	Trả trước cho người bán	132		-	4.736.100
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	(3)	61.947.398.562	57.753.442.478
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	(4)	**481.136.562**	**151.112.321**
1.	Hàng tồn kho	141		481.136.562	151.112.321
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**	(5)	**1.506.292.015**	**1.535.736.523**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.497.700.410	1.527.144.918
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		8.591.605	8.591.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: Đồng

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**55.912.251.136**	**56.337.730.454**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**10.454.056.562**	**11.863.535.880**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	(6)	**10.454.056.562**	**11.863.535.880**
	Nguyên giá	222		13.101.978.331	13.666.255.366
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.647.921.769)	(1.802.719.486)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	Nguyên giá	228		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	(7)	**45.458.194.574**	**44.458.194.574**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		45.458.194.574	44.458.194.574
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		-	**16.000.000**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	16.000.000
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		**120.401.907.166**	**116.505.782.613**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: Đồng

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**76.928.227.839**	**77.990.236.439**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**74.201.892.145**	**72.698.479.437**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	(8)	400.000.000	500.000.000
2.	Phải trả người bán	312	(9)	893.711.840	1.230.660.087
3.	Người mua trả tiền trước	313	(10)	341.000.000	392.000.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(11)	981.356.786	818.583.154
5.	Phải trả người lao động	315	(12)	661.573.255	-
6.	Chi phí phải trả	316		-	3.046.139.582
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(13)	71.015.783.224	66.802.629.574
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(91.532.960)	(91.532.960)
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**2.726.335.694**	**5.291.757.002**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	(14)	2.726.335.694	5.249.396.194
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	42.360.808
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	(15)	**43.473.679.327**	**38.515.546.174**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**43.473.679.327**	**38.515.546.174**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.651.026.102	43.651.026.102
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(177.346.775)	(5.135.479.928)
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	**Nguồn kinh phí, quỹ khác**	**430**		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**120.401.907.166**	**116.505.782.613**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1.	Tài sản thuê ngoài				
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược				
4.	Nợ khó đòi đã xử lý				
5.	Ngoại tệ các loại				
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng	Kiểm soát viên	Tổng giám đốc
Lê Thị Thu Nguyệt	Nguyễn Thị Dung	Đinh Mạnh Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu B 02 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị: Đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	(16)	**25.090.080.460**	**17.553.090.294**
2.	Các khoản giảm trừ	02		874.006.736	428.090.273
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10		**24.216.073.724**	**17.125.000.021**
4.	Giá vốn hàng bán	11	(17)	18.998.977.988	13.670.125.249
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		**5.217.095.736**	**3.454.874.772**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	(18)	13.421.680	17.310.297
7.	Chi phí tài chính	22	(19)	604.465.283	914.805.100
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(20)	2.207.401.208	1.670.492.093
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		**2.418.650.925**	**886.887.876**
11.	Thu nhập khác	31	(21)	2.539.482.228	3.402.636.910
12.	Chi phí khác	32		-	7.414.036
13.	**Lợi nhuận khác**	40		**2.539.482.228**	**3.395.222.874**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		**4.958.133.153**	**4.282.110.750**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	60		**4.958.133.153**	**4.282.110.750**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70		-	-

Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng	Kiểm soát viên	Tổng giám đốc
Lê Thị Thu Nguyệt	Nguyễn Thị Dung	Đinh Mạnh Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu B 03b – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

ĐVT : đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		**4.958.133.153**	**4.282.110.750**
2.	*Điều chỉnh cho các khoản*				
	- Khấu hao tài sản cố định	02		845.202.283	957.786.354
	- Các khoản dự phòng	03		(42.360.808)	(39.225.500)
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
	- Chi phí lãi vay	06		604.465.283	914.805.100
3.	***Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	08		**6.365.439.911**	**6.115.476.704**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.185.327.584)	598.680.363
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(330.024.241)	(83.431.746)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.603.412.708	(4.775.579.026)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		45.444.508	46.420.975
	- Tiền lãi vay đã trả	13		(604.465.283)	(914.805.100)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			-
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	60.100.000
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		**2.894.480.019**	**1.046.862.170**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2.088.430.909)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		564.277.035	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.000.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		**(435.722.965)**	**(1.088.430.909)**
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		(2.623.060.500)	(114.000.000)
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		**(2.623.060.500)**	**(114.000.000)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		**(164.303.446)**	**(155.568.739)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		**420.204.268**	**575.773.007**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		**255.900.822**	**420.204.268**

Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng	Kiểm soát viên	Tổng giám đốc

CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN NHÀ NƯỚC 1TV Đ.TƯ VÀ DU LỊCH HUẾ

Đinh Mạnh Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. Đặc điểm hoạt động

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên-Huế cấp với mã số doanh nghiệp 3300260036, đăng ký lần đầu ngày 20/08/2010.
Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.
Trụ sở công ty đặt tại: 45 Lê Lợi, thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

2. Ngành nghề kinh doanh:
- Bán hàng lưu niệm
- Vận chuyển khách du lịch, hành khách theo hợp đồng
- Dịch Vụ du lịch ngắn ngày (khách sạn)
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống
- Dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa.
- Dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm hoạt động Karaoke, vũ trường)

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (đồng).

III. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Trong năm nay, Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") sau:

- VAS 01: Chuẩn mực chung;
- VAS 02: Hàng tồn kho;
- VAS 03: Tài sản cố định hữu hình;
- VAS 14: Doanh thu và thu nhập khác;
- VAS 21: Trình bày báo cáo tài chính;

V. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính

V.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Tất cả các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đều được ghi nhận như khoản tương đương tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đồng tiền được sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (đồng); các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ là do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ảnh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

V.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 (sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC) của Bộ Tài chính.

V.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Các khoản dự phòng được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 (sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC) của Bộ Tài chính.

V.4. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá Tài sản cố định được phản ánh theo giá thực tế.
- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng tài sản khấu hao phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

V.5. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại, phải trả nội bộ, khoản vay và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

V.6. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V.7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính

Thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định khi dịch vụ cung cấp đã hoàn thành và được khách hàng nghiệm thu, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

V.8. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng: VAT đầu ra là 10%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01. Tiền

	31/12/2013		01/01/2013
Tiền Việt Nam	18.005.158		58.525.159
Tiền mặt bằng Ngoại tệ	-		-
Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý	-		-
Tiền gởi Ngân hàng bằng đồng Việt Nam	237.895.664	(i)	361.679.109
	255.900.822		**420.204.268**
(i) bao gồm:			
Ngân hàng Công Thương	*2.377.009*		*11.043.158*
Ngân hàng Eximbanh	*1.642.018*		*1.819.129*
Ngân hàng Nông nghiệp	*1.313.324*		*1.310.321*
Ngân hàng ngoại thương	*224.595.683*		*338.805.229*
Ngân hàng Hàng hải	*7.967.630*		*8.701.272*
	237.895.664		*361.679.109*

02. Các khoản phải thu

	31/12/2013	01/01/2013
Phải thu của khách hàng	298.928.069	302.820.469
Phải thu từ các bên có liên quan	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
	298.928.069	**302.820.469**
Bao gồm:		
Công ty TNHH TMDV Vận tải Du lịch Hùng Việt	*9.025.000*	*9.025.000*
Trung tâm bảo tồn Di tích Cố đô Huế	-	*4.643.000*
Công ty TNHH Khách sạn bờ sông thanh lịch	*2.500.000*	-
Công ty Du lịch Thuận Hóa	*287.403.069*	*287.403.069*
trung tâm thể thao dưới nước Thừa Thiên Huế	-	*1.749.400*
	298.928.069	*302.820.469*

03. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013		01/01/2013
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.048.916		692.426
Tiền chuyển nhượng Century	2.600.000		-
Phải thu khác	61.942.749.646	(i)	57.752.750.052
	61.947.398.562		**57.753.442.478**
(i) bao gồm:			
Tiền chuyển trả đối tác nước ngoài	*57.164.657.693*		*57.164.657.693*
Lăng Cô tạm ứng	*500.000.000*		*500.000.000*
Chi phí liên doanh Century	-		*61.338.853*
Lê Minh Thắng	-		*19.996.632*
Điều chỉnh bút toán ứng lợi nhuận	*3.766.878.602*		-
Các đối tượng khác	*511.213.351*		*6.756.892*
	61.942.749.646		*57.752.750.070*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

04: Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	302.719.989	44.931.757
Giá mua hàng hóa	178.416.573	106.180.564
	481.136.562	**151.112.321**

05. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.497.700.410	1.527.144.918
Tạm ứng	8.591.605	8.591.605
	1.506.292.015	**1.535.736.523**

06. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	**8.457.868.887**	**1.811.562.991**	**2.921.190.909**	**475.632.579**	**13.666.255.366**
Mua trong năm	58.995.455				58.995.455
Đầu tư XDCB hoàn thành			-	-	-
Tăng khác				-	-
Giảm khác	(29.789.000)	(593.483.490)			(623.272.490)
Số dư cuối năm	**8.487.075.342**	**1.218.079.501**	**2.921.190.909**	**475.632.579**	**13.101.978.331**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	**913.115.908**	**490.926.050**	**244.223.506**	**154.454.022**	**1.802.719.486**
Khấu hao trong năm	395.776.051	177.480.984	377.185.242	78.647.063	1.029.089.340
Tăng khác					-
Giảm khác	(4.505.908)	(179.381.149)			(183.887.057)
Số dư cuối năm	**1.304.386.051**	**489.025.885**	**621.408.748**	**233.101.085**	**2.647.921.769**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	**7.544.752.979**	**1.320.636.941**	**2.676.967.403**	**321.178.557**	**11.863.535.880**
Tại ngày cuối năm	**7.182.689.291**	**729.053.616**	**2.299.782.161**	**242.531.494**	**10.454.056.562**

07. Đầu tư dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
Vốn góp liên doanh	45.458.194.574	44.458.194.574
	45.458.194.574	44.458.194.574
Bao gồm:		
Vốn góp liên doanh Century	*36.203.194.574*	*36.203.194.574*
Vốn góp liên doanh Công viên nước	*255.000.000*	*255.000.000*
Vốn góp liên doanh Mondial	*9.000.000.000*	*8.000.000.000*
	45.458.194.574	***44.458.194.574***

08. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
Vay ngắn hạn	400.000.000	500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
	400.000.000	**500.000.000**
Bao gồm:		
Vay ngắn hạn ngân hàng	*400.000.000*	*500.000.000*
	400.000.000	***500.000.000***

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

09. Phải trả người bán

	31/12/2013	01/01/2013
Phải trả cho nhà cung cấp	893.711.840	1.230.660.087
Phải trả cho các bên có liên quan	-	-
	893.711.840	**1.230.660.087**
Bao gồm:		
Cty TNHH TM & Vận tải San Hiền	*259.131.000*	*276.124.000*
DNTN Minh Hoà	*26.240.000*	-
Võ Đình Nga	*29.080.500*	-
Phan Thị Vẻ	*26.904.500*	-
Trần Thị Bé	*71.942.700*	-
Lê Văn Long	*34.950.000*	-
Công ty XD Sông Đà (CN Thuận hoá)	-	*423.906.927*
Chi Cục Thi Hành án dân sự TP Huế	-	*120.167.140*
Cty CP cơ khí XD COXANO	*290.495.000*	*290.495.000*
Cty TNHH Hoàng Gia Phát	*40.495.000*	*40.495.000*
Các đối tượng khác	*114.473.140*	*79.472.020*
	893.711.840	***1.230.660.087***

10. Người mua trả tiền trước

	31/12/2013	01/01/2013
Người mua trả tiền trước	341.000.000	392.000.000
Bao gồm:		
Đặt cọc tiệc cưới	*341.000.000*	*392.000.000*

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	342.880.168	181.772.436
Thuế thu nhập cá nhân	16.849.600	15.233.700
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	621.397.018	621.397.018
Các loại thuế khác	230.000	180.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	981.356.786	**818.583.154**

12. Phải trả người lao động

	31/12/2013	01/01/2013
Phải trả công nhân viên	661.573.255	-
Phải trả người lao động khác	-	-
	661.573.255	**-**

13. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013		01/01/2013
Bảo hiểm xã hội	46.275.048		-
Phải trả, phải nộp khác	70.969.508.176	*(i)*	66.802.629.574
Bảo hiểm thất nghiệp	-		-
	71.015.783.224		**66.802.629.574**
(i) bao gồm:			
Công ty Hương Giang	*229.249.000*		*229.249.000*
Công ty Tư vấn Du Lịch	*57.204.168*		*57.204.168*
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Huế	*2.000.000.000*		*2.000.000.000*
Thuế chuyển nhượng khách sạn Thuận Hóa	*812.230.500*		*812.230.500*
Thuế chuyển nhượng khách sạn Thiên An	*313.685.091*		*313.685.091*
Công ty Xổ số chuyển tiền	*57.164.657.693*		*57.164.657.693*
Phải trả Century	*10.392.481.724*		*6.225.603.122*
	70.969.508.176		***66.802.629.574***

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Vay dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
Vay ngân hàng	2.726.335.694	5.249.396.194
Vay đối tượng khác	-	-
	2.726.335.694	**5.249.396.194**
Bao gồm:		
Vay Ngân hàng Nông nghiệp	*2.620.835.694*	*4.969.896.194*
Vay Ngân hàng Eximbank	*105.500.000*	*279.500.000*
	2.726.335.694	*5.249.396.194*

15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lãi/(Lỗ) tích lũy	Cộng
Số dư đầu năm trước	**7.498.329.277**	**36.152.696.825**	**(9.417.590.678)**	**34.233.435.424**
Tăng vốn trong năm trước				-
Lãi trong năm trước			4.282.110.750	4.282.110.750
Tăng khác				-
Giảm vốn trong năm trước	-			-
Lỗ trong năm trước	-		-	-
Giảm khác	-			-
Số dư cuối năm trước	**7.498.329.277**	**36.152.696.825**	**(5.135.479.928)**	**38.515.546.174**
Số dư đầu năm nay	**7.498.329.277**	**36.152.696.825**	**(5.135.479.928)**	**38.515.546.174**
Tăng vốn trong năm				
Lãi trong năm	-		4.958.133.153	4.958.133.153
Tăng khác	-			
Giảm vốn trong năm	-		-	-
Lỗ trong năm	-			-
Giảm khác	-			-
Số dư cuối năm	**7.498.329.277**	**36.152.696.825**	**(177.346.775)**	**43.473.679.327**

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo Kết Quả KD

16. Doanh thu hoạt động kinh doanh

	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu cung cấp dịch vụ và hàng hóa	25.090.080.460	17.553.090.294
	25.090.080.460	**17.553.090.294**

17. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.998.977.988	13.670.125.249
	18.998.977.988	**13.670.125.249**

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	13.421.680	17.310.297
	13.421.680	**17.310.297**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền vay	604.465.283	914.805.100
	604.465.283	**914.805.100**

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.207.401.208	1.670.492.093
	2.207.401.208	**1.670.492.093**

21. Thu nhập khác

	Năm 2013	Năm 2012
Các khoản thu nhập khác	2.539.482.228	3.402.636.910
	2.539.482.228	**3.402.636.910**

22. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2013 không có giao dịch hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của công ty. Vì vậy Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở Công ty sẽ hoạt động liên tục.

VIII. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được Tổng giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành.

Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng	Kiểm soát viên	Tổng giám đốc
Lê Thị Thu Nguyệt	Nguyễn Thị Dung	Đinh Mạnh Thắng

CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN NHÀ NƯỚC 1TV Đ.TƯ VÀ DU LỊCH HUẾ - M.S.D.N: 3300260036 - C.T.N.H.H - TP.HUẾ - T.THỪA THIÊN HUẾ

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 7292 Quyển số: 02 /SCT/BS

29 -07- 2016

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ HỘI - TP. HUẾ - TỈNH T.T. HUẾ

Hồ Trung Hùng